

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH KHỐI TỈNH NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/6/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
	Tổng điều chỉnh giảm	1.044.233		Tổng điều chỉnh tăng	1.044.233	0	0
I	Giảm dự toán chi thường xuyên các đơn vị khối tỉnh trước hợp nhất, sáp nhập	972.957	I	Tăng dự toán chi thường xuyên các đơn vị khối tỉnh sau hợp nhất, sáp nhập	972.957	0	0
1	Sự nghiệp an ninh	144	1	Sự nghiệp an ninh	144		
a	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	81	a1	Sở Y tế	18		
			a2	Công an tỉnh	63		
b	Sở Thông tin và Truyền thông	36	b	Sở Khoa học và Công nghệ	36		
c	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	27	c	Sở Nông nghiệp và Môi trường	27		
2	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	21.890	2	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	21.890		
a	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	12.406	a1	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.101		
			a2	Sở Nội vụ	2.305		
b	Sở Nội vụ	6.532	b	Sở Nội vụ	6.532		
c	Sở Kế hoạch và Đầu tư	144	c	Sở Tài chính	144		
d	Sở Khoa học và Công nghệ	288	d	Sở Khoa học và Công nghệ	288		
đ	Sở Ngoại vụ	2.520	đ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	2.520		
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	89.492	3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	89.492		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
a	Sở Khoa học và Công nghệ	37.166	a	Sở Khoa học và Công nghệ	37.166		
b	Sở Thông tin và Truyền thông	52.326	b	Sở Khoa học và Công nghệ	52.326		
4	Sự nghiệp kinh tế	211.230	4	Sự nghiệp kinh tế	211.230		
4.1	Chi sự nghiệp nông nghiệp	33.765	4.1	Chi sự nghiệp nông nghiệp	33.765		
a	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	33.765	a	Sở Nông nghiệp và Môi trường	33.765		
4.2	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	37.125	4.2	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	37.125		
a	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37.125	a	Sở Nông nghiệp và Môi trường	37.125		
4.3	Chi sự nghiệp Thủy lợi	4.343	4.3	Chi sự nghiệp Thủy lợi	4.343		
a	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.343	a	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4.343		
4.4	Chi sự nghiệp giao thông	100.221	4.4	Chi sự nghiệp giao thông	100.221		
a	Sở Giao thông vận tải	100.221	a	Sở Xây dựng	100.221		
4.5	Chi các hoạt động kinh tế	35.776	4.5	Chi các hoạt động kinh tế	35.776		
a	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.800	a	Sở Tài chính	1.800		
b	Sở Thông tin và Truyền thông	19.819	b1	Sở Khoa học và Công nghệ	14.959		
			b2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4.860		
c	Sở Tài nguyên và Môi trường	13.041	c1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12.326		
			c2	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	715		
d	Cục Quản lý thị trường tỉnh	1.116	d	Sở Công thương	1.116		
5	Sự nghiệp văn hóa	4.015	5	Sự nghiệp văn hóa	4.015		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
a	Sở Nội vụ	4.015	a	Sở Nội vụ	4.015		
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	256.439	6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	256.439		
a	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	256.439	a1	Sở Nội vụ	169.233		
			a2	Sở Y tế	46.355		
			a3	Công an tỉnh	40.794		
			a4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	57		
7	Sự nghiệp môi trường	58.689	7	Sự nghiệp môi trường	58.689		
a	Sở Tài nguyên và Môi trường	58.689	a	Sở Nông nghiệp và Môi trường	58.689		
8	Chi quản lý hành chính nhà nước	331.058	8	Chi quản lý hành chính nhà nước	331.058		
a	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	19.218	a1	Sở Nội vụ	12.663		
			a2	Sở Y tế	3.814		
			a3	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.095		
			a4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	646		
b	Sở Nội vụ	57.830	b1	Sở Nội vụ	47.795		
			b2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	10.035		
c	Ban Dân tộc	15.774	c	Sở Dân tộc và Tôn giáo	15.774		
d	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17.815	d	Sở Tài chính	17.815		
đ	Sở Tài chính	36.390	đ	Sở Tài chính	36.390		
e	Sở Thông tin và Truyền thông	7.775	e1	Sở Khoa học và Công nghệ	6.704		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
			e2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.071		
g	Sở Khoa học và Công nghệ	10.907	g	Sở Khoa học và Công nghệ	10.907		
h	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	65.434	h	Sở Nông nghiệp và Môi trường	65.434		
i	Sở Tài nguyên và Môi trường	25.239	i	Sở Nông nghiệp và Môi trường	25.239		
k	Sở Xây dựng	32.874	k	Sở Xây dựng	32.874		
l	Sở Giao thông Vận tải	25.802	l	Sở Xây dựng	25.802		
m	Ban An toàn Giao thông	1.057	m	Sở Xây dựng	1.057		
n	Sở Ngoại vụ	14.943	n	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	14.943		
II	Chi khác ngân sách	71.276	II	Chi khác ngân sách	71.276	0	0
-	Giảm dự toán chi khác ngân sách	71.276	-	Tăng chi khác cho các đơn vị khối tỉnh	71.276	0	0
				Hỗ trợ kinh phí chăm lo cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 và Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Liên Đoàn lao động tỉnh	30.000		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Liên Đoàn lao động tỉnh	121		
				Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật cho Liên Đoàn lao động tỉnh	614		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Công văn số 2049/BCH-TC ngày 31/12/2024 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Mật) và Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	4.377		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai	365		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Trường Cao đẳng công nghệ quốc tế Lilama 2	166		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Trường Cao đẳng Thống kê II	53		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	470		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Vườn Quốc gia Cát Tiên	179		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Trường Giáo dưỡng số 4	130		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Trại giam Xuân Lộc	2.021		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Cục thuế tỉnh Đồng Nai	906		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai	427		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh	227		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2	1.224		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Cục Hải quan Đồng Nai	336		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đồng Nai	446		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai	236		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Cục Thống kê Đồng Nai	84		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai	131		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Đài Khí tượng Thủy văn Đồng Nai	43		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai	60		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai	248		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - CN Đồng Nai	65		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Chi cục Dự trữ Nhà nước Đồng Nai	10		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Bệnh viện Quân y 7B	579		
				Hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán năm 2025 theo Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh cho Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi	122		
				Chi trả tiền hỗ trợ cho 02 công dân tỉnh Đồng Nai trở về địa phương đón tết theo Công văn số 1862/UBND-KTNS ngày 27/02/2025	3		
				Thanh toán phần chênh lệch trợ giá xe buýt từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 theo Công văn số 2063/UBND-KTNS ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vận tải Vĩnh Phú	1.128		
				Thanh toán phần chênh lệch trợ giá xe buýt từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 theo Công văn số 2063/UBND-KTNS ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh cho Công ty TNHH DVDL Hoàng Hà D.L	1.236		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
				Thanh toán phần chênh lệch trợ giá xe buýt từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 theo Công văn số 2063/UBND-KTNS ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh cho Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải Đoàn Kết	443		
				Thanh toán phần chênh lệch trợ giá xe buýt từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 theo Công văn số 2063/UBND-KTNS ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh cho Công ty TNHH Trí Minh Phát	465		
				Hỗ trợ kinh phí hoạt động của ngành tư pháp năm 2025 thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương theo Công văn số 13528/UBND-KTNS ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh cho Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai	879		
				Hỗ trợ kinh phí hoạt động của ngành tư pháp năm 2025 thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương theo Công văn số 13528/UBND-KTNS ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai	830		
				Hỗ trợ kinh phí hoạt động của ngành tư pháp năm 2025 thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương theo Công văn số 13528/UBND-KTNS ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh	600		
				Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ địa phương năm 2025 theo Công văn số 13528/UBND-KTNS ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh cho Cục Thống kê Đồng Nai	403		
				Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân trên các đảo thuộc vùng biển Tây Nam theo Công văn số 912/UBND-KTNS ngày 24/01/20225 của UBND tỉnh cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân	600		

STT	Nội dung	Số tiền	STT	Nội dung	Tổng	Đầu tư	Thường xuyên
				Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng CAND tham gia khối điều binh, điều hành Lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước theo Công văn số 3484/UBND-KTNS ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh cho Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động	5.200		
				Hỗ trợ kinh phí tổ chức đảm bảo hợp luyện, sơ duyệt, tổng duyệt và tham điều binh, điều hành Lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước theo Công văn số 3935/UBND-KTNS ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh cho Trung đoàn 935	813		
				Hỗ trợ kinh phí xây dựng bể bơi phục vụ công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tham gia cứu nạn, cứu hộ theo Công văn số 4122/UBND-KTNS ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh cho Trung đoàn Cảnh sát cơ động Đông Nam Bộ	6.789		